

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 10

THẮNG TƯỚNG THỨ NĂM

G1. GIẢI THÍCH NHẬP NHÂN QUẢ TU SAI BIỆT THẮNG TƯỚNG

CHƯƠNG 1: ĐỐI TRỊ

Giải thích: Nghĩa này có năm chương:

- Chương I. Đối trị.
- Chương II. Lập danh.
- Chương III. Đắc tướng.
- Chương IV. Tu tướng.
- Chương V. Tu thời.

Luận nói: Như vậy đã nói nhập vào tướng thù thắng của nhân quả. Vậy tại sao phải biết nhập vào việc tu sai biệt về nhân quả?

Giải thích: Trước đã nói tổng sự sai biệt của nhân quả của lục độ, tại địa vị hạnh nguyện làm nhân, lấy vị thanh tịnh làm quả, chưa căn cứ theo địa để luận biện về tu sai biệt. Trước mắt nói tổng là như vậy. Duy thức trí gọi là nhập, ba vô tánh làm tướng thù thắng. Lục độ tức là Duy thức trí, nhập nhân quả của ba vô tánh là muốn hiển sự tu tập sai biệt của các Ba-la-mật. Cho nên hỏi rằng tại sao phải biết?

Luận nói: Do mười địa Bồ-tát. Những gì là mười? 1. Hoan hỷ địa. 2. Vô cấu địa. 3. Minh diệu địa. 4. Thiêu nhiên địa. 5. Nan thắng địa. 6. Hiện tiền địa. 7. Viễn hành địa. 8. Bất động địa. 9. Thiện Tuệ địa. 10. Pháp vân địa.

Giải thích: Nếu muốn biết tu sai biệt, thì quán mười địa sai biệt này, liền biết việc tu sai biệt của nhân quả.

Luận nói: Tại sao phải biết lấy nghĩa này thành lập các địa là

mười?

Giải thích: Câu hỏi này muốn làm rõ nghĩa gì? Nếu Bồ-tát nhập Sơ địa, thấy chân như thì liền dứt tận. Tại sao vậy? Vì chân như không có phần số. Nếu thấy chân như bất tận thì chân như có phần số. Nếu có phần số thì đồng với pháp hữu vi. Nếu thấy đã tận thì tại sao nói có mười địa?

Luận nói: Để đối trị mười thứ vô minh chướng ngại địa.

Giải thích: Chân như thật ra không có số một phần hoặc hai phần. Nếu căn cứ theo thể của chân như thì không thể lập có mười thứ sai biệt. Chân như có mười thứ công đức, có thể sinh mười thứ chánh hạnh. Do vô minh che lấp cho nên không thấy công đức này. Do không thấy công đức này cho nên chánh hạnh không thành, vì có mười thứ làm chướng công đức và chánh hạnh. Phân biệt chướng vô minh cũng có mười thứ.

Luận nói: Đối với mười tướng nó đã làm rõ pháp giới.

Giải thích: Mười tướng là mười công đức và mười chánh hạnh. Tướng này đều có thể làm rõ pháp giới.

Luận nói: Có mười thứ vô minh còn tồn tại làm chướng.

Giải thích: Mười tướng này tuy thật có, nhưng vì bị vô minh che lấp mà không được hiển hiện. Cho nên biết Bồ-tát mới nhập chân như quán thì chướng kiến đạo vô minh liền diệt. Các vô minh khác còn sót chưa diệt. Mười thứ vô minh che lấp mười công đức, chướng ngại mười chánh hạnh. Những gì là mười thứ vô minh? 1. Vô minh phạm phu tánh. 2. Vô minh nương vào thân nghiệp... Đối với các chúng sinh khởi tà hạnh. 3. Vô minh tâm trì trệ khổ, vô minh quên mất văn tư tu. 4. Vô minh vi tế phiền não hành cộng sinh thân kiến, vì phiền não này là tối hạ phẩm, tùy theo tư duy mà khởi, đã xa lìa tùy thuận chỗ hành sự căn bản, cho nên gọi là vi tế phiền não. 5. Vô minh đối với các thừa dưới mà nhập bát Niết-Bàn. 6. Vô minh thô tướng hạnh. 7. Vô minh vi tế tướng hạnh. 8. Vô minh đối với vô tướng khởi tâm công dụng. 9. Vô minh đối với sự lợi ích của chúng sinh không do công dụng. 10. Vô minh trong các pháp không được tự tại.

Vô minh phạm phu tánh là chướng của Sơ địa, vô minh này tức là thân kiến. Thân kiến có hai thứ. 1. Nhân. 2. Quả. Pháp chấp và ngã chấp là nhân, nhân (người) chấp và ngã chấp là quả. Nhân tức là tánh phạm phu si mê về pháp vô ngã cho nên gọi là vô minh. Nhị thừa chỉ có thể trừ quả, không có thể đoạn nhân. Nếu không đoạn vô minh này thì không được nhập Sơ địa, cho nên vô minh này làm chướng Sơ địa.

Vô minh nương vào thân nghiệp, đối với các chúng sinh khởi tà

hạnh, là chướng của địa thứ hai, Bồ-tát chưa nhập địa thứ hai nảy sinh ý nghĩ như vậy: Là người ở ba thừa thì có ba hạnh sai biệt. Lý Nhất thừa cho nên gọi là vô minh. Lại nữa, giải thích chỗ hành thiện của tất cả chúng sinh, thì không có pháp nào mà không phải là phương tiện thanh tịnh tối thắng của Bồ-tát. Tại sao vậy? Thanh tịnh đã là một. Chưa đến địa thanh tịnh tối thắng thì không có nghĩa là trụ. Nếu đều phải đồng quy về đại đạo của Bồ-tát, thì tại sao tu phương tiện mà không tu chánh đạo? Khi chưa nhập địa thứ hai thì không có trí này. Do mê nghĩa này cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này, thì không được nhập địa thứ hai, cho nên vô minh này làm chướng địa thứ hai.

Vô minh tâm trì trệ khổ, vô minh quên mất văn tự tu, là chướng ngại của địa thứ ba. Chưa đến trí căn vị làm trì trệ, chưa đắc định vi diệu thù thắng của Bồ-tát làm khổ. Vì chướng căn và tu cho nên gọi là vô minh chướng. Văn trì (nghe và tu trì) Đà-la-ni không được thành tựu, khiến cho chỗ văn, tư, tu bị quên mất cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không được nhập địa thứ ba, cho nên vô minh này làm chướng địa thứ ba.

Vô minh vi tế phiền não hành cộng sinh thân kiến, là chướng của địa thứ tư. “Phiền não hành”, lấy chủng tử của pháp chấp phân biệt làm thể. Sinh, trụ và, diệt không ngừng cho nên gọi là hành. Chủng tử này làm nhân của thân kiến. Thể của chủng tử này cũng là thân kiến. Vì là chủng loại của pháp phân biệt. Vì Phiền não này là phẩm hạ liệt, đây là giải thích nghĩa vi tế này. Do phẩm cuối cùng đó không thể nhiễm ô tâm Bồ-tát, cho nên gọi là vi tế. Tùy theo tư duy mà khởi, đây là giải thích nghĩa cộng sinh. Tuy không thể nhiễm ô tâm Bồ-tát, nhưng tùy theo chánh tư duy mà khởi, tương ứng với tư duy cho nên không có thể nói không có, vì có thể chướng nhất thiết trí của Bồ-tát. “Đã xa lìa tùy thuận chỗ hành sự căn Bản”, đây là giải thích nghĩa ly bạn. Khi xưa còn trong cộng vị phàm phu và địa trước, tùy thuận chỗ hành tất cả căn bản phiền não, hiện tại tu địa thứ tư thì lìa nó đã xa, do không hiểu rõ ngã không và pháp không cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không được nhập địa thứ tư, cho nên vô minh này làm chướng địa thứ tư.

Vô minh đối với các thừa dưới mà Bát Niết-bàn, là chướng của địa thứ năm. Nếu người nương vào quán bốn đế tu hành địa thứ năm, thì thấy sinh tử là lửa mà vô lượng tội lỗi thiêu đốt, thấy Niết-bàn rất thanh lương tịch tĩnh công đức viên mãn, không muốn xả sinh tử, hạnh này khó hành; không muốn xả Niết-bàn, hạnh này cũng khó hành; không

muốn giữ Niết-bàn. Hạnh này cũng khó hành. Hoặc người tu hành địa thứ năm, tâm phần nhiều là cầu Bát Niết-bàn, cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không được nhập địa thứ năm, cho nên vô minh làm chướng ngại địa thứ năm.

Vô minh thô tướng hạnh, là chướng của địa thứ sáu. Nếu người tu hành địa thứ sáu thì tất cả các hạnh tương tục sinh. Như lượng như lý chứng rồi, trụ nhiều trong các hạnh tâm chán ghét, chưa trụ nhiều trong tâm vô tướng, cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không được nhập địa thứ sáu, cho nên vô minh này làm chướng ngại địa thứ sáu.

Vô minh vi tế tướng hạnh là chướng của địa thứ bảy. Nếu người tu hành địa thứ bảy, do tâm trong trăm vạn đại kiếp, chưa có thể lìa các hành, thì tướng tương tục là sinh và diệt, không thể thông đạt pháp giới không có nhiễm tịnh tướng. Như Kinh nói: Mười hai duyên sinh của Long vương, hoặc sinh hoặc bất sinh. Thế nào là sinh? Do tục đế. Thế nào là bất sinh? Do chân đế. Trong Mười hai duyên sinh, chưa có thể lìa tướng sinh để trụ tướng vô sinh. Chưa nhập địa thứ bảy cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không nhập địa thứ bảy, cho nên vô minh này làm chướng ngại địa thứ bảy.

Vô minh đối với vô tướng khởi tâm công dụng, là chướng của địa thứ tám. Nếu người tu hành địa thứ tám do khởi tâm công dụng để trừ vô minh vi tế tướng hạnh và vì trụ trong tâm vô tướng, chưa có thể tự nhiên hằng trụ tâm vô tướng không có gián đoạn thiếu khuyết cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không nhập địa thứ tám, do đó vô minh này làm chướng ngại địa thứ tám.

Vô minh đối với sự lợi ích của chúng sinh không do công dụng, là chướng của địa thứ chín. Nếu người tu hành địa thứ chín, tâm tự nhiên hằng trụ vô tướng, chỉ có trong làm việc lợi ích cho chúng sinh với bốn thứ tự tại, chưa có thể tự nhiên hằng khởi lợi ích cho chúng sinh, cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không được nhập địa thứ chín, cho nên vô minh này làm chướng ngại địa thứ chín.

Vô minh trong nhiều pháp không được tự tại, là chướng của địa thứ mười. Nếu người tu hành địa thứ mười, đối với sự thành tựu nghiệp ba thân và pháp bí mật vi tế Đà-ra-ni Tam-ma-đề thì vì chưa đắc tự tại cho nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không được nhập vào địa thứ mười, cho nên vô minh này làm chướng ngại địa thứ mười.

Luận nói: Vì sao có thể làm rõ mười tướng của pháp giới.

Giải thích: Câu hỏi này muốn làm rõ chân như có mười tướng công đức. Mười công đức này có thể sinh mười chánh hạnh và mười thứ quả bất cộng. Để hiển hiện thể của pháp giới, thì mười công đức này là làm rõ căn bản của pháp giới, cho nên trước hết hỏi về mười tướng công đức.

Luận nói: Đối với Sơ địa do tất cả nghĩa biến mãn, ưng tri pháp giới.

Giải thích: Chân như pháp giới trùm khắp không sót một pháp nào. Tại sao vậy? Trong các pháp không có một pháp nào không phải vô ngã. Chỗ sinh khởi phân biệt nhân chấp và pháp chấp che lấp tất cả nghĩa biến mãn của pháp giới, do chướng này mà người vị nguyện hạnh không được nhập Sơ địa. Nếu trừ bỏ chướng này, thì thấy nghĩa biến mãn của Chân như. Nhân chấp và pháp chấp vĩnh viễn được thanh tịnh. Do quán nghĩa này được nhập Sơ địa.

Luận nói: Đối với địa thứ hai do nghĩa tối thắng.

Giải thích: Nhân không và pháp không nhiếp tất cả pháp. Tất cả là nghĩa biến mãn. Nghĩa này trong tất cả pháp là tối thắng thanh tịnh. Do quán nghĩa này được nhập địa thứ hai.

Luận nói: Đối với địa thứ ba do nghĩa thắng lưu.

Giải thích: Chân như là tối thắng trong tất cả các pháp, do duyên chân như mà khởi Vô phân biệt trí. Vô phân biệt trí là sở lưu của Chân như. Trí này là tối thắng trong các trí. Nhân theo trí này lưu xuất đại bi đã sinh của Vô phân biệt hậu trí. Đại bi này là tối thắng trong tất cả định. Nhân theo đại bi này, Như Lai muốn an lập chánh pháp cứu tế chúng sinh mà thuyết mười hai bộ kinh Đại thừa. Pháp này là sở lưu của đại bi, pháp này là tối thắng trong tất cả thuyết. Vì đặc pháp này mà Bồ-tát có khả năng làm được tất cả việc khó làm, khó nhẫn có thể nhẫn. Do quán pháp này được nhập địa thứ ba.

Luận nói: Đối với địa thứ tư do nghĩa vô nhiếp.

Giải thích: Đối với chân như tối thắng và pháp sở lưu của chân như, Bồ-tát trong đó thấy nghĩa vô nhiếp, là pháp này không phải chỗ nhiếp của phi ngã, không phải chỗ nhiếp của tha tánh. Tại sao vậy? Vì ba nghĩa tự tha và pháp bất khả đắc, ví như người bắc Cưu-lâu-việt. Đối với ngoại trần không sinh tướng của tự nhiếp tha nhiếp. Bồ-tát đối với pháp giới cũng vậy, cho nên pháp ái không được sinh. Do quán nghĩa này mà được nhập địa thứ tư.

Luận nói: Đối với địa thứ năm do nghĩa tương tục không khác.

Giải thích: Pháp này tuy là vô nhiếp, nhưng ba đời chư Phật trong

đó tương tục không khác nhau, không giống như các căn của nhãn, các trần của sắc và sáu đường chúng sinh tương tục có khác nhau. Tại sao vậy? Vì chỗ tạo tác của các pháp phân biệt như vậy tương tục có khác nhau, là chỗ làm rõ chân như của ba đời chư Phật tương tục không khác nhau. Nếu quán nghĩa này thì được nhập địa thứ năm.

Luận nói: Đối với địa thứ sáu do nghĩa vô nhiễm tịnh.

Giải thích: Ba đời chư Phật trong pháp này, tuy tương tục không khác nhau, nhưng pháp này đối với Phật vị lai không có nhiễm, vì bản tánh tịnh. Đối với Phật quá khứ và hiện tại thì không có nhiễm, vì bản tánh vô nhiễm. Do quán nghĩa này mà được nhập địa thứ sáu.

Luận nói: Đối với địa thứ bảy do nghĩa tất cả các pháp không phân biệt.

Giải thích: Chỗ hiển thị pháp môn của mười hai bộ kinh, do các thứ nghĩa thành lập có khác nhau, từ nhất vị tu hành, nhất vị thông đạt và nhất vị chí đắc không thấy có khác nhau. Do quán nghĩa này mà được nhập địa thứ bảy.

Luận nói: Đối với địa thứ tám do nghĩa không tăng không giảm.

Giải thích: Bồ-tát thấy tất cả pháp, khi đạo thành thì không tăng, hoặc khi diệt thì không giảm. Trí như vậy là y chỉ của tướng tự tại và cõi tự tại. Tướng tự tại, là như chỗ muốn cầu lấy tướng tự tại, thì liền được hiện tiền. Cõi tự tại, là nếu Bồ-tát khởi nguyện phân biệt, nguyện cõi này đều thành Phả-lê-kha (pha-lê). Vì tự tại cho nên như chỗ nguyện đó liền được thành. Tự tại thứ nhất làm thành thực Phật pháp, tự tại thứ hai làm thành thực chúng sinh. Hai tự tại này do trí không tăng không giảm mà được thành, tức là lấy trí không tăng không giảm làm y chỉ. Do quán nghĩa này mà được nhập địa thứ tám.

Luận nói: Đối với địa thứ chín do nghĩa định tự tại y chỉ, do nghĩa y chỉ cõi tự tại, do nghĩa y chỉ trí tự tại.

Giải thích: Nghĩa y chỉ thứ nhất và thứ hai giải thích như trước. Trí tự tại, là chỗ làm rõ của bốn Vô ngại giải gọi là trí, trí này lấy vô phân biệt hậu trí làm thể. Tại sao vậy? Vì khắp tất cả pháp môn đều không điên đảo. Do đắc trí này mà thành đại pháp sư, có thể khiến cho chúng sinh đại thiên thế giới vô cùng nhập nghĩa sâu màu, có thể thành như ý cho nên gọi là tự tại. Tự tại này lấy vô phân biệt trí làm y chỉ. Do đắc tự tại này cho nên nhập địa thứ chín. Lại nữa, giải thích thông đạt pháp giới làm y chỉ của trí tự tại, cho nên đắc bốn vô ngại giải. Do quán nghĩa này mà được nhập địa thứ chín.

Luận nói: Đối với địa thứ mười do nghĩa của y chỉ vào nghiệp tự

tại, do nghĩa của y chỉ vào Đà-la-ni và Tam-ma-đề tự tại nên biết rõ pháp giới.

Giải thích: Thông đạt pháp giới là làm sự lợi ích của chúng sinh, Nếu đắc ba nghiệp của chư Phật và đắc Đà-la-ni và Tam-ma-đề, thì có thể thông đạt tất cả pháp tạng bí mật của Như Lai, được nhập địa thứ mười. Lại nữa, giải thích thông đạt pháp giới làm y chỉ của nghiệp tự tại, Thông Đạt pháp giới làm y chỉ của Đà-la-ni và Tam-ma-đề tự tại, do thông đạt này mà làm hóa độ mười phương chúng sinh, đắc ba thân và ba nghiệp, cho nên gọi là nghiệp tự tại. Do đắc Đà-la-ni Tam-ma-đề và tất cả pháp tạng bí mật của Như Lai thông đạt như ý, cho nên gọi là tự tại. Ba thứ tự tại này đều lấy chân như làm y chỉ. Do quán nghĩa này mà được nhập địa thứ mười. Nếu thông đạt pháp giới thì mười thứ công đức của chân như đắc quả gì?

1. Nếu thông đạt công đức pháp giới biến khắp thì đắc nghĩa thông đạt tất cả không chướng ngại, đắc tất cả quả diệt trừ chướng ngại.

2. Nếu thông đạt công đức pháp giới tối thắng thì đắc quả Bồ-đề tối thắng vô đẳng đối với tất cả chúng sinh.

3. Nếu thông đạt công đức văn cú thù thắng của pháp giới thì đắc được pháp âm vô biên và có thể viên mãn quả ý dục của tất cả chúng sinh. Tại sao vậy? Vì pháp âm này vô biên không biên đảo.

4. Nếu thông đạt công đức vô nhiếp pháp giới thì đắc như chỗ thích đáng về quả lợi ích của tất cả chúng sinh.

5. Nếu thông đạt công đức pháp giới tương tục không khác thì đắc cùng với quả pháp thân không sai biệt của ba đời chư Phật.

6. Nếu thông đạt công đức mười hai duyên sinh và chân như không nhiễm tịnh thì chứng được sự tương tục thanh tịnh và có thể làm thanh tịnh quả nhiễm trước của tất cả chúng sinh.

7. Nếu thông đạt công đức không sai biệt của pháp thì đắc tất cả tướng diệt hằng trụ quả vô tướng .

8. Nếu thông đạt công đức không tăng không giảm thì đắc cùng chung nghiệp quả oai đức và trí tuệ bình đẳng của chư Phật.

9. Nếu thông đạt công đức về bốn loại y chỉ tự tại thì đắc quả ba thân.

10. Nếu thông đạt y chỉ của vô phân biệt thì đắc quả Pháp thân.

11. Nếu thông đạt y chỉ của độ và trí tự tại thì đắc quả Ứng thân. Do Ứng thân này trong đại tập được cùng chung với chúng sinh thọ quả pháp lạc.

12. Nếu thông đạt y chỉ của nghiệp thì đắc quả Hóa thân. Nhân

theo quả này có thể khởi quả lợi ích vô biên của vô lượng chúng sinh.

Luận nói: Trong đây nói Kệ:

*Biển mẫn, nghĩa tối thắng,
Thắng lưu và vô nhiếp,
Không khác, không nhiễm tịnh.
Tất cả pháp không riêng.
Bốn thứ không tăng giảm,
Y chỉ nghĩa tự tại,
Y chỉ nghiệp tự tại,
Tổng trì Tam-ma-đê.*

Như vậy hai bài Kệ y theo Trung Biên Luận, phải nên biết rõ.

Lại nữa, vô minh này phải biết đối với Nhị thừa không phải nhiễm ô, đối với Bồ-tát là nhiễm ô.

Giải thích: Nhị thừa tu hành không vì nhập mười địa, thì vô minh này không chướng Nhị thừa, không phải chỗ phá của đạo Nhị thừa, vì không nhiễm ô Nhị thừa. Bồ-tát tu hành là để nhập mười địa, thì vô minh này chướng mười địa của Bồ-tát, bị Bồ-tát đạo phá, vì nhiễm ô Bồ-tát. Nếu Bồ-tát từ Sơ địa, có thể thông đạt tất cả địa, tại sao thứ tự chế lập các địa sai biệt? Do trụ này, Bồ-tát tu hành mười độ, hai hạnh thông và biệt, nhân theo trụ này mà tu hạnh riêng, thứ tự chế lập sự sai biệt của mười địa.
